

Bản án số: **03/2025/DS-ST**.

Ngày: 09/7/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

2. Bà **Đinh Thị Phương Lan**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** – Thư ký TAND khu vực 4 – An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – An Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2025/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

* ***Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Cẩm H**, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: tổ 6, khu phố M, xã M, tỉnh A.

* ***Bị đơn:*** Bà **Ngô Thị Lê N**, sinh năm 1981 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 5, khu phố M, xã M, tỉnh A.

* ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 5, khu phố M, xã M, tỉnh A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày như sau:*

Vào ngày 09/04/2022 âm lịch bà Ngô Thị Lệ N có hỏi vay số tiền là 20.000.000 đồng, trả lãi hàng tháng. Tiếp đến ngày 25/04/2022 âm lịch thì vay tiếp 20.000.000 đồng. Tổng 2 lần vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) (có giấy nhận nợ viết tay do bà N ký tên), bà N đóng lãi được 2 tháng thì đến nay không đóng nữa. Cho đến nay vẫn không đóng lãi và trả vốn cho bà H, bà H đòi nhiều lần thì bà N chỉ hứa hẹn lần này đến lần khác vẫn không trả.

Vì vậy, bà H làm đơn này kính đến Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang yêu cầu giải quyết, buộc bà Ngô Thị Lệ N phải trả lại cho bà số tiền vay (tiền vốn) tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/07/2022 đến ngày 25/11/2024 là 33 tháng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị Lệ N trình bày:*

Bà N có vay tiền của bà Nguyễn Thị Cẩm H 02 lần:

Lần 01: Vào năm 2020 bà N có vay của bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền 20.000.000 đồng, không thoả thuận thời hạn trả nợ và việc vay mượn hai bên có lập biên nhận nợ nhưng không thoả thuận lãi suất trong biên nhận. Đối với khoản tiền vay này bà N đã đóng lãi cho bà H được nhiều lần nhưng không nhớ số tiền bao nhiêu và không có chứng cứ để chứng minh nên không yêu cầu tính lại lãi suất.

Lần 02: Vào năm 2021 bà N có vay thêm tiền của bà H, cộng thêm tiền lãi bà không đóng được cho bà H (số tiền lãi không nhớ cụ thể) thành số tiền vay thêm là 20.000.000 đồng, không thoả thuận thời hạn trả nợ, có viết biên nhận nợ và không thoả thuận lãi suất trong biên nhận nợ. Đối với số tiền vay này bà N có đóng lãi cho bà H rất nhiều lần, số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà không biết, không có chứng cứ chứng minh việc trả lãi và không yêu cầu tính lại lãi suất. Hiện tại bà N còn nợ bà H 40.000.000 đồng.

Mục đích hai lần vay tiền của bà H là để bà N trả tiền ngư phủ cho chồng là ông Nguyễn Văn B.

Nay bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu bà N và chồng là ông Nguyễn Văn B phải trả số tiền vay là 40.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 01/7/2022 đến ngày 25/11/2024 là 33 tháng với mức lãi suất theo quy định thì bà N đồng ý trả tiền vay là 40.000.000 đồng cho bà H, xin tiền lãi và xin trả dần số tiền gốc 40.000.000

đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bà N nhận trách nhiệm trả nợ một mình và không yêu cầu ai liên đới trả nợ cùng.

*** *Tại phiên tòa:***

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:* Bà yêu cầu bà Ngô Thị Lệ N phải trả lại cho bà số tiền vay gốc là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 01/07/2022 đến ngày 25/11/2024 là 33 tháng. Ngoài ra, bà H không yêu cầu gì thêm.

- *Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 227 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H với bà Ngô Thị Lệ N: Buộc bà Ngô Thị Lệ N phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi (từ ngày 01/7/2022 đến ngày 25/11/2024 là 33 tháng, với mức lãi suất 0,83%/tháng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.) là 10.956.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi buộc bà N và ông Bửu phải trả cho bà H là 50.956.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H về việc không yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải liên đới cùng bà N trả nợ cho bà H.

+ Về án phí, lệ phí: Áp dụng khoản 1 điều 147 BLTTDS, Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bà Ngô Thị Lệ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà

Nguyễn Thị Cẩm H với bị đơn bà Ngô Thị Lệ N; bị đơn có nơi cư trú tại khu phố M, thị trấn S, huyện H, tỉnh K (nay là khu phố M, xã M, tỉnh A) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc “Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân”.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Ngô Thị Lệ N được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn giải quyết vắng mặt bà N.

[3] *Về nội dung vụ án:* Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) có cơ sở nhận định như sau: Bà Ngô Thị Lệ N có vay bà H hai lần tổng cộng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bà H đã nhiều lần đòi bà N nhưng đến nay bà N vẫn không trả nợ cho bà H. Hiện nay bà N còn nợ bà H tiền vay gốc là 40.000.000 đồng là đúng sự thật khách quan và được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Theo đơn khởi kiện bà H yêu cầu bà N và ông Bửu số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 01/07/2022 đến ngày 25/11/2024 là 33 tháng thì bà N cũng đồng ý trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà H chỉ yêu cầu bà N trả số tiền nợ gốc và tiền lãi không yêu cầu ông Bửu phải liên đới trả số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy đây là sự tự nguyện của bà H, ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án bà N nhận trách nhiệm trả nợ một mình và không yêu cầu ai liên đới trả nợ cùng.

Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà H, buộc bà N phải trả cho bà H số tiền gốc và tiền lãi từ ngày 01/7/2022 đến ngày 25/11/2023.

Xét về lãi suất: bà N cho rằng trong quá trình vay tiền của bà H bà có đóng lãi cho bà H nhiều lần nhưng không nhớ số tiền cụ thể nên bà không yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất đối với khoản vay này. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N không yêu cầu tính lại số tiền lãi mà bà đã đóng cho bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N cho rằng vay tiền bà H vào năm 2020 nhưng có chứng cứ chứng minh nay bà H yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 01/7/2022 đến ngày 25/11/2024 là 33 tháng với lãi xuất theo quy định của pháp luật có lợi cho bị đơn là phù hợp nên chấp nhận. Hội đồng xét xử thấy rằng, theo biên nhận vay giữa bà H và bà N thì không

có thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong biên nhận. Do đó, nay bà H yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay trên thì Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 468 để xác định mức lãi suất 0,83%/tháng (10%/năm). Do đó, căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như căn cứ vào các quy định của pháp luật như đã nhận định ở trên, đã có đủ cơ sở để buộc bà N phải trả tiền lãi trên số tiền gốc cho bà H như sau: 40.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 33 tháng = 10.956.000 đồng (mười triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn bà N. Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông bà Nguyễn Thị Cẩm H không đồng ý yêu cầu xin trả dần của bị đơn. Căn cứ theo quy định tại mục 1, phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ Tài chính thì Tòa án không tự ấn định thời hạn trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của bà N.

Như vậy, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quả kết quả tranh tụng tại tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có cơ sở để được HĐXX xem xét chấp nhận.

[4] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì bà N phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 37, 39, 91, 92, 147, 227, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H. Buộc bà Ngô Thị Lệ N phải trả cho bà H số tiền vay còn nợ gốc là 40.000.000 đồng, lãi

10.956.000 đồng. Cả gốc và lãi là 50.956.000 đồng (năm mươi triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp khoản tiền trên, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/. Về án phí DSST:

- Buộc bà Ngô Thị Lệ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền là 2.547.800 đồng (hai triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị Cẩm H không phải chịu án phí. Do bà H là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

3/. Quyền kháng cáo: Án xử công khai. Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 4 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thanh Sang